

GÓI KHÁM SỨC KHỎE THUYỀN VIÊN
CHỨC DANH BẾP, PHỤC VỤ VIÊN

Số thứ tự gói khám: 11

Tên gói khám: Khám sức khỏe thuyền viên dành cho chức danh làm việc tiếp xúc trực tiếp với quá trình chế biến thực phẩm, chức danh bếp, phục vụ viên

Mã gói: KSK - TV - TT22 - 11 (Cook)

Đối tượng áp dụng:

Khám sức khỏe thuyền viên theo TT 22/2017/TT-BYT;

Khám đổi, gia hạn giấy phép xuống tàu

Mẫu hồ sơ khám sức khỏe:

Đối với KSK định kỳ

Mẫu Sổ KSK ĐK - TV - TT22 - 15

Với các trường hợp khám đổi, gia hạn giấy phép xuống tàu sử dụng mẫu:

Mẫu GKSK - TV - TT22 - 14.1

Mẫu GKSK - TV - TT 22 - 14.2 (03 bản): Khách hàng 2 bản, TTYT lưu 1 bản

Mẫu PK Sắc giác - 24

Số hình: 05 Ảnh 3x4, chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày KSK; nếu sao thêm 01 bản thêm 01 hình.

Giá trị sử dụng của sổ KSK Định kỳ: Có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận KSK với KSK vào sổ định kỳ.

Giá trị sử dụng của giấy KSK:

Có giá trị trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày ký kết luận KSK

Trường hợp thuyền viên đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I Thông tư 22 nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II Thông tư 22 và có giấy cam kết tự nguyện đi làm việc trên tàu biển theo mẫu quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư 22 thì **giấy KSK có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận KSK**

Nội dung khám chi tiết

STT	Nội dung khám	Đơn giá VNĐ	Ghi chú
1	Khám thể lực: Chiều cao, cân nặng, Vòng ngực; BMI, Mạch, huyết áp		
2	Khám kiểm tra: Lực bóp tay thuận, Lực bóp tay không thuận, Lực kéo thân; Thử nghiệm thần kinh tâm lý Khả năng chịu sóng	30,000	
3	Khám Nội: Tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh, tâm thần	160,000	
4	Khám Ngoại		
5	Khám Mắt		
6	Khám Răng hàm mặt		
7	Khám Tai mũi họng		
8	Khám Da liễu		
9	Khám Phụ khoa		Dành cho nữ
10	Đường huyết	25,000	
11	SGOT	25,000	

STT	Nội dung khám	Đơn giá VNĐ	Ghi chú
12	SGPT	25,000	
13	Tổng phân tích tế bào máu	60,000	
14	Nhóm máu ABO	42,100	x
15	HBeAg (Elisa)	110,000	
16	Anti HCV (test nhanh)	70,000	
17	Anti HAV IgM	120,000	
18	TPHA định tính	58,600	x
19	HBsAg (Test nhanh)	60,000	
20	Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần APTT	55,000	
21	Nồng độ alcohol trong máu	100,000	
22	Anti HIV test nhanh	95,000	
23	VDRL	70,000	
24	Cholesterol TP	30,000	
25	HDL	30,000	
26	LDL	0	
27	Triglycerid máu	30,000	
28	Opiate, Amphetamin, Methamphetamin: Marijuana	240,000	
29	Tổng phân tích nước tiểu	40,000	
30	Sắc giác	80,600	x
31	Điện tim	40,000	
32	Siêu âm bụng tổng quát	80,000	
33	Hô hấp ký	144,300	x
34	Đo thính lực hoàn chỉnh	100,000	
35	Đo thị trường	31,100	x
36	Đo nhãn áp	31,600	x
37	Chụp Xquang phổi thẳng in phim	100,000	
38	Xét nghiệm BK trong đàm	74,200	x
39	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh PP thông thường (phân) (KSK) (Cấy phân vi khuẩn tả, lỵ, thương hàn)	200,000	
40	Anti HEV IgM (Elisa)	187,500	Gửi tuyến trên
	Tổng chi phí cho 1 người/ 1 lần khám	2,545,000	

Ghi chú:

- Đơn giá dịch vụ khám sức khỏe được điều chỉnh khi giá dịch vụ của TTYT thay đổi

Nơi nhận

- BGĐ TTYT
- Các khoa phòng TTYT
- BP Tiếp Nhận/ Tổ DVN (Thực hiện và niêm yết cho KH)
- Lưu Văn thư

Visa

TP Y vụ - QLCL-DVN:

TK Khám bệnh:

Người thực hiện:

